TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2024/DS-ST
Ngày: 18/7/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Gầm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 511/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1948.
Bà Trần Thị T, sinh năm 1949.
Địa chỉ: Tổ 13, khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Bà Y, ông Q, ông T có mặt; bà Trần Thị T uỷ quyền cho ông Q tham gia tố tụng theo hợp đồng uỷ quyền ngày 16/7/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2023, bản tự khai, biên bản hoà giải, biên bản đối chất, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Đỗ Thị Y trình bày:

Vào năm 2020, bà và ông Nguyễn Văn Q (cậu Năm) có thoả thuận bà bán thức ăn chăn nuôi gà, vịt cho ông Q với giá tiền mặt, không bán thiếu. Tuy nhiên, sau khi xuất chuồng, ông Q thanh toán không đủ tiền mà còn thiếu lại của bà là 15.728.000 đồng. Đồng thời, trong thời gian này, bà Trần Thị T (mợ Năm) là vợ của ông Q

cũng có mua thức ăn chăn nuôi của bà nhưng bà T mua là trả tiền liền nên chỉ thoả thuận miệng, không lập sổ mua bán. Những lần đầu khi giao thức ăn bà T đều thanh toán tiền đầy đủ. Tuy nhiên, lúc sau bà T không trả hết nên còn thiếu lại là 33.546.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông Q còn nợ của bà là 49.274.000 đồng nay đã hơn 2 năm. Bà có đến nhà thương lượng và vợ chồng ông Q đã trả được 5.000.000 đồng, phần còn lại bà T hứa khi nào làm sổ đất được rồi trả chứ không biết đến khi nào. Bà không đồng ý với lời hứa này nên khởi kiện yêu cầu ông Q và bà T phải trả cho bà tổng cộng tiền gốc là 44.274.000 đồng và tính lãi từ ngày 30/12/2020 đến ngày 30/10/2023 là 34 tháng với số tiền là 12.494.122 đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải, biên bản đối chất, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Vào ngày 28/3 (không nhớ năm), ông và ông Nguyễn Văn T (chồng bà Đỗ Thị Y) có hợp đồng miệng mua thức ăn chăn nuôi gà, vịt với hình thức gối đầu. Mục đích chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Hai bên mua bán kéo dài đến ngày 04/5 (không nhớ năm) ông không còn mua thức ăn nữa. Lúc này ông và bên bán có chốt lại số tiền còn nợ là 15.728.000 đồng. Sau đó, ông có trả dần được 5.000.000 đồng, như vậy hiện ông còn nợ của bà Y là 10.728.000 đồng. Ông đồng ý trả số tiền này trong thời hạn 01 năm nhưng không đồng ý trả lãi. Từ trước đến nay ông và vợ là bà T cùng nhau chăn nuôi gà, vịt chung và lợi nhuận có được cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Ông thừa nhận giọng nói nữ trong đoạn ghi âm mà bà Y cung cấp cho Toà án đúng là của bà Trần Thị T (vợ ông). Số tiền 44.274.000 đồng bà T đồng ý còn nợ của bà Y trong đoạn ghi âm là số nợ chung mà vợ chồng ông mua thức ăn của bà Y nhưng đã trả rồi, chỉ còn nợ 10.728.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải, biên bản đối chất, các lời khai trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Vào năm 2020, ông Q có mua thức ăn chăn nuôi của bà Y. Đồng thời, bà cũng có thoả thuận miệng mua thêm thức ăn chăn nuôi vịt của vợ chồng bà Y với hình thức trả tiền mặt mỗi lần giao thức ăn thì đã trả đủ tiền mặt, có chăng thì bà chỉ thiếu vài ngày là trả hết tiền vì số lượng thức ăn không lớn. Vào ngày vợ chồng bà Y qua đòi nợ thì lúc này ông Q vẫn còn nợ tiền thức ăn của bà Y là hơn 40.000.000 đồng nên bà có thừa nhận nợ của bà Y nhưng đây là số nợ theo sổ của ông Q giữ. Từ sau ngày đó thì vợ chồng bà đã trả dần số nợ 44.274.000 đồng cho bà Y và hiện tại ông Q chỉ còn nợ của bà Y 10.728.000 đồng. Phần nợ thức ăn chăn nuôi vịt mà bà thoả thuận mua thêm thì bà đã trả hết cho bà Y và hiện không còn thiếu. Đối với đoạn ghi âm của bà Y cung cấp và Toà án đã mở cho bà nghe thì bà thừa nhận đây là giọng nói của bà. Bà có thừa nhận nợ theo lời chốt nợ của bà Y là 44.274.000 đồng nhưng đây là số nợ bà thừa nhận theo sổ ghi thức ăn mà ông Q đã cung cấp cho Toà án.

Tại biên bản hoà giải, biên bản đối chất, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2020, ông và vợ là bà Đỗ Thị Y có thoả thuận miệng bán thức ăn chăn nuôi với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị T với hình thức trả tiền mặt. Mỗi lần giao thức ăn, ông là người trực tiếp giao cho vợ chồng ông Q và ông có ghi

sổ mua bán giao cho ông Q giữ. Tuy nhiên, phần thức ăn chăn nuôi vịt do bà T chăn nuôi thêm thì ngay từ lúc đầu hai bên không có ghi sổ do mỗi lần giao thức ăn bà T trả tiền liền. Những lần sau mới bắt đầu nợ, bà T nói thiếu đỡ vài ngày sẽ trả. Lúc này ông có ghi vào tờ giấy (giấy này ông tự ghi để biết) nhưng từ đó đến nay bà T không trả. Ngày ông và vợ ông đến nhà đòi nợ thì bà T có nhận nợ với số tiền 44.274.000 đồng và bà Y có ghi âm giọng nói nhận nợ của bà T. Từ đó đến nay bà T, ông Q không trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự, Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Y. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T phải liên đới trả cho bà Y số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 44.274.000 đồng và tiền lãi từ ngày bà Y có đơn khởi kiện là ngày 13/11/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đỗ Thị Y khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Q và vợ là bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 44.274.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/10/2023 và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử. Căn cứ để bà Y khởi kiện là "giấy tay" đề ngày 30/12/2020 âm lịch với nội dung: "Cậu Năm 15.728.000 đồng .... Mợ năm 33.546.000 đồng ...". Ông Q và bà T cũng thừa nhận có hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi của vợ chồng bà Y, ông T từ năm 2020. Tuy nhiên, ông Q và bà T thừa nhận trong quá trình thực hiện việc mua bán thức ăn hai bên đã tính toán số tiền ông bà còn nợ là 15.728.000 đồng theo sổ giao nhận thức ăn mà ông bà cung cấp. Sau đó, vợ chồng ông đã trả được 5.000.000 đồng và hiện tại chỉ còn nợ 10.728.000 đồng và đồng ý trả số tiền này nhưng không đồng ý trả lãi. Đối với giấy tay đề ngày 30/12/2020 là do bà Y tự ghi với tổng số tiền nợ là 44.274.000 đồng nên ông bà không đồng ý.

[2] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Y có cung cấp thêm một file ghi âm và tờ lượt giải với nội dung trong đoạn ghi âm có 2 giọng nữ: Giọng nữ 1 nói: "...bữa nay con qua đây nhắc với cậu năm mợ năm tổng số tiền còn lại là 44.274.000 đồng mợ đồng ý với con số tiền đó nghen..."; giọng nữ 2 nói: "... rồi vậy chứ sao...". Chính ông Q và bà T cũng thừa nhận giọng nữ 2 trong đoạn ghi âm đúng là giọng nói của bà T. Qua đó xác định được giữa bà Y và ông Q, bà T đã có sự thoả thuận chốt số tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi là 44.274.000 đồng. Nhưng ông Q và bà T cho rằng số tiền chốt nợ trong đoạn ghi âm 44.274.000 đồng là số tiền nợ thức ăn chăn nuôi mà ông bà còn nợ theo sổ mua bán bà Y giao cho ông Q giữ, ông bà đã trả số tiền này và chỉ còn nợ 10.728.000 đồng. Tuy nhiên, ông Q và bà T không chứng minh được số tiền đã trả. Do đó, có căn cứ để xác định vào thời điểm năm 2020 giữa bà Y, ông T và ông Q, bà T có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi và ông Q, bà T có nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của bà Y là 44.274.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự, việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa bà Y và ông Q, bà T là hợp đồng mua bán tài sản. Do ông Q, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Bà Y yêu cầu ông Q, bà T cùng liên đới trả lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 30/12/2020 đến ngày 30/10/2023 là 12.494.122 đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử. Nhận thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 440 thì: *"Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định.."*. Do vậy, việc bà Y yêu cầu mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Tuy nhiên, bà Y không có chứng cứ chứng minh được ngày chốt nợ là ngày nào nên chỉ có cơ sở để xác định ngày tính lãi là ngày bà Y có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết là ngày 13/11/2023. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 13/11/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0.83%/tháng. Cụ thể: 44.274.000 đồng x 0.83%/tháng x 08 tháng 05 ngày = 3.001.000 đồng.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, cần buộc ông Q và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Y số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi với tổng số tiền gốc và lãi là 47.275.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của bà Y chỉ được chấp nhận một phần nên bà Y phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là (56.768.000 đồng - 47.275.000 đồng) x 5% = 474.650 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.419.000 đồng theo biên lai thu số 0002660 ngày 18/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà Y được nhận lại 944.350 đồng.

- Ông Q, bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Y về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Y số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 47.275.000 đồng (bốn mươi bảy triệu hai trăm bảy

mươi lăm nghìn đồng) (Trong đó: Tiền gốc là 44.274.000 đồng; tiền lãi là 3.001.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị Y phải chịu án phí là 474.650 đồng (bốn trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.419.000 đồng (một triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002660 ngày 18/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà Y được nhận lại 944.350 đồng (chín trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi đồng).

- Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Gấm